

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 406/2024/DS-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Bà Võ Thị Bích Liên;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền: Anh Ngô Trung H, sinh năm 1991; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Thu V1, sinh năm 1975; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trước đây, do có quen biết nên chị Thùy V có cho vợ chồng anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu V1 vay số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để lo việc gia đình. Ngày 12/4/2024, chị Thùy V và vợ chồng anh T, chị V có lập Hợp đồng cho vay tiền để xác nhận nội dung sự việc trên, khi lập hợp đồng các bên có ký tên xác nhận. Theo nội dung hợp đồng thời hạn vay đến ngày

12/7/2024 thì vợ chồng anh T, chị V phải trả lại cho chị Thùy V toàn bộ số tiền gốc và lãi suất (lãi suất theo quy định nhà nước). Tuy nhiên, từ ngày ký hợp đồng vay đến nay, vợ chồng anh T, chị V không trả tiền lãi cho chị Thùy V. Đồng thời, khi đến thời hạn trả tiền gốc theo thỏa thuận thì anh Tâm T, chị V không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết trong hợp đồng. Chị Thùy V đã nhiều lần liên hệ, gặp nhắc nhở, yêu cầu vợ chồng anh T, chị V trả nợ nhưng vợ chồng anh T, chị V chỉ hứa hẹn, khát dần mà không hợp tác cũng như không có ý định trả lại chị Thùy V số tiền trên. Nhận thấy, hành vi không chịu trả lại số tiền mà anh T, chị V đã vay của chị Thùy V là vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng cho vay tiền ký ngày 12/4/2024, nên chị Thùy V yêu cầu anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu V1 phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Thùy V toàn bộ số tiền gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12/4/2024 đến tháng 10/2024 là 6.972.000 đồng. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Thu V1 trình bày:*

Ngày 24/01/2018 chị và anh T có vay của chị Thùy V là 40.000.000 đồng, sau đó chị có chơi hụi và không có tiền đóng hụi nên chị có mượn tiền chị Thùy V để đóng hụi, chót nợ lại là 140.000.000 đồng. Chị thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về việc vay số tiền tổng cộng là 140.000.000 đồng. Nay chị Thùy V yêu cầu trả tiền thì chị cũng đồng ý tuy nhiên chị xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng vì hoàn cảnh khó khăn, chị xin không trả lãi. Biên nhận do nguyên đơn cung cấp là của chị ký tên, chữ “T” trong biên nhận là do chị ký dùm chồng chị lý do chồng chị đi biển nhưng chồng chị vẫn biết khoản nợ này và hiện đi làm để cùng trả nợ.

** Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến mặc dù đã tổng đạt hợp lệ.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, thành phố G nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu V1 xin vắng mặt, anh Trần Văn T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

Chị Thùy V khởi kiện yêu cầu chị Thu V1 và anh T phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 6.972.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp hợp đồng cho vay tiền ngày 12/4/2024, biên nhận do chị Thu V1 ký tên. Bị đơn chị Thu V1 thừa nhận còn nợ tiền chị Thùy V là 140.000.000 đồng có ký tên vào Hợp đồng cho vay tiền nhưng xin trả mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn, xin không trả lãi, anh T vắng mặt không có ý kiến.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên đương sự thừa nhận, thể hiện qua hợp đồng cho vay tiền ngày 12/4/2024 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện vào ngày 12/4/2024 vợ chồng chị Thu V1 có vay của chị Thùy V số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật, không thỏa thuận thời gian trả tiền nhưng hai bên thống nhất là thời gian vay là 03 tháng (đến ngày 12/7/2024).

Chị Thu V1 có cung cấp một Hợp đồng cho vay tiền ngày 24/01/2018, số tiền vay là 40.000.000 đồng, sau đó chị Thu V1 có chơi hụi và không có tiền đóng hụi nên chị có mượn tiền chị Thùy V để đóng hụi, chốt nợ lại là 140.000.000 đồng. Chữ ký T trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 12/4/2024 là do chị Thu V1 ký nhưng anh T cũng biết và mục đích vay tiền cũng phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình nên đây là nợ chung của anh T, chị Thu V1.

Bị đơn là anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Thùy V. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy anh T đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Thùy V.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện chị Thùy V có yêu cầu bị đơn trả lãi với số tiền là 9.300.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 6.972.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu tính lãi suất của chị Thùy V do không vượt quá phạm vi khởi kiện lúc ban đầu và việc yêu cầu tính lãi phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Xét thấy số tiền trên chị Thu V1 và anh T vay đã lâu, khi vay có quy định thời gian trả vốn nhưng anh chị đã không trả tiền cho chị Thùy V đúng thỏa thuận, đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Chị Thùy V đã nhiều lần yêu cầu chị Thu V1 và anh T trả vốn và lãi nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn cố tình vắng mặt và xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của chị Thu V1.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Thùy V là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bị đơn có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho bị đơn.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy V.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu V1 và anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thùy V số tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 6.972.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu 3.674.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thùy V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.732.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0001016 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- Chi cục THADS TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo